TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-ST
Ngày: 21-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Tân Dân.

Ông Dương Vương Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 59/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1965 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Trương Thị H, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 27/9/2022, ông Nguyễn Thanh T đã cho bà Trương Thị H vay số tiền 20.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất là 08%/tháng, hẹn đến ngày 27/02/2023 sẽ hoàn trả lại vốn. Khi vay, hai bên có lập Giấy mượn tiền ngày 27/9/2022, bà H có ký tên và ghi họ tên vào mục Xác nhận bên mượn. Tuy nhiên, sau khi vay, bà H không thực hiện việc trả vốn và lãi như đã thoả thuận, bà H xin gia hạn trả vốn đến ngày 27/3/2023 nhưng vẫn không

thực hiện. Riêng về tiền lãi, mặc dù thoả thuận 08%/tháng, nhưng thực tế bà H không trả đến mức lãi suất này và cũng chỉ trả được đến tháng 02 năm 2023. Tổng số tiền lãi bà H đã trả bao nhiêu ông T không nhớ rõ. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho ông số tiền nợ vốn là 20.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi trong thời gian vay cho đến khi xét xử.

Bị đơn bà Trương Thị H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bà H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bà Trương Thị H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T: Ông T yêu cầu bà Trương Thị H phải trả cho ông số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông T đã cung cấp cho Tòa án Bản chính 01 Văn bản có tiêu đề là "Giấy mượn tiền" ngày 27/9/2022. Văn bản này có thể hiện nội dung người tên Trương Thị H có mượn của ông Nguyễn Thanh T số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 27/9/2022, mục đích để làm ăn, nhưng không thể hiện thông tin lãi suất và thời hạn, đồng thời tại mục "Xác nhận bên mượn" ở cuối văn bản có chữ ký và chữ viết mang tên "Trương Thị H". Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bà H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó. Nếu bà H không thừa nhận số nợ trên thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, bà H vẫn cố tình vắng mặt không có lý

do chính đáng, không thể hiện ý chí phản đối chứng cứ và tài liệu mà ông T cung cấp thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà H và ông T là có thật và bà H phải có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ cho ông T. Vì vậy, ông T yêu cầu bà H trả số tiền nợ là 20.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Mặc dù Giấy mượn tiền ngày 27/9/2022 không thể hiện lãi suất nhưng ông T trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận khi vay là 08%/tháng. Xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông T cho rằng bà H trả lãi không đúng với lãi suất đã thoả thuận và không trả toàn bộ trong khoản thời gian từ khi vay cho đến ngày xét xử, đồng thời ông T không xác định được tổng số tiền lãi bà H đã trả. Bà H vắng mặt và không có ý kiến đối với vấn đề lãi suất và số tiền lãi đã trả. Mặt khác, ông T không yêu cầu bà H phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Ông T yêu cầu bà H thực hiện trả số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Bà H vắng mặt nên không thỏa thuận được với ông T. Việc bà H chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó yêu cầu của ông T buộc bà H trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí bà H phải nộp được xác định: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Bà Trương Thị H phải nộp 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0008551 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm